

Số: **1835/QĐ-UBND**

Thành phố Lai Châu, ngày **07** tháng **10** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 4 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 4 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số **654/TTr-TNMT** ngày **04/10** /2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Trần Văn Kèn – Cư trú tại: Bản Cắng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 6.700.280 đồng.

(Bằng chữ: Sáu triệu bảy trăm nghìn hai trăm tám mươi đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

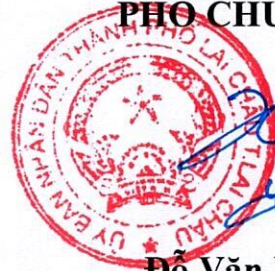
- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.
- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Trần Văn Kèn có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

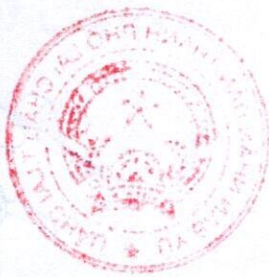
- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ GTVT;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng

Handwritten text, likely a signature or date, located at the top center of the page. The text is faint and difficult to read.



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (Bổ sung lần 4)

**Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc
(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu).**

Kèm theo Quyết định số: **1835** /QĐ-UBND ngày **07** tháng **10** năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu

| TT | Tên các hạng mục | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (đ) | Thành tiền |
|----------|---|-------------|----------|-------------|------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4*5 |
| 1 | Đối với hộ ông Trần Văn Kèn (Hiện trạng bà Nguyễn Thị Nhậm đang sử dụng) | | | | |
| | Địa chỉ: Bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu | | | | |
| | Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a) | | | | 6.700.280 |
| a | Về tài sản vật kiến trúc | | | | 6.700.280 |
| | Phân tài sản nằm trên đất thu hồi | | | | |
| 1 | Cống cuốn Φ 100-300 truy thu lại đã tính tại Quyết định 1548/QĐ-UBND ngày 1/9/2021 của UBND thành phố | m | -36 | 144.100 | -5.187.600 |
| | Cống cuốn Φ 500 | m | 36,0 | 187.330,0 | 6.743.880 |
| 2 | Ống nhựa HDPE Φ 110 đường dẫn nước vào ao của gia đình | m | 36,0 | 139.000 | 5.004.000 |
| 3 | Cọc BTT | Cọc | 2,0 | 70.000 | 140.000 |

